TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST Ngày 14-6-2024 V/v: Xin ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ.

2. Ông Cầm Văn Tổ.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 14/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 11/3/2024 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Lò Thị Hoa trình bày:

Tôi (Lò Thị H) và anh Hà Văn Q kết hôn với nhau ngày 13 tháng 3 năm 2012. Khi kết hôn anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng tại bản H, xã C huyện M, tỉnh Sơn La, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách quan

điểm sống không hợp nhau, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Hà Văn Q.

Hiện tại chị H đang làm nông nghiệp thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ đến 8.000.0000đ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh, chị có 03 con chung là Hà Thị N, sinh ngày 21/7/2008, Hà Thị Nhã U, sinh ngày 04/01/2011 và Hà Bảo H, sinh ngày 28/3/2016. Nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Hà Thị N, Hà Thị Nhã U đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Hà Bảo H cho anh Hà Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hà Văn Q: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho anh Hà Văn Q, nhưng anh Q không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chị H xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các vấn đề khác, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn Hà Văn Q đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Hà Thị Ng, sinh ngày 21/7/2008, Hà Thị Nhã U, sinh ngày 04/01/2011 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/3/2016, cho anh Hà Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn Q có địa chỉ bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn Q đã được Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Hà Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của sự phát sinh mâu thuẫn như chị Lò Thị H trình bầy là đúng.

Xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh Q là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H và anh Q đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị H ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 03 con chung là Hà Thị N, sinh ngày 21/7/2008, Hà Thị Nhã U, sinh ngày 04/01/2011 và Hà Bảo H, sinh ngày 28/3/2016. Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Hà Thị N, Hà Thị Nhã U đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Hà Bảo H cho anh Hà Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

Chị H, anh Q có nơi cư trú ổn định, có thu nhập. Chị H, anh Q có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Tòa án đã ghi ý kiến nguyện vọng của các cháu. Các cháu Hà Thị N, Hà Thị Nhã U có nguyện vọng ở với mẹ Lò Thị H. Cháu Hà Bảo H có nguyện vọng được ở với bố Hà Văn Q, nên cần chấp nhận nguyện vọng của các cháu. Do đó cần giao các cháu Hà Thị N, Hà Thị Nhã U cho chị Lò Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao cháu Hà Bảo H cho anh Hà Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị H xác định chị và anh Hà Văn Q không có tài sản chung và vay nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Hà Thị N, sinh ngày 21/7/2008, Hà Thị Nhã U, sinh ngày 04/01/2011 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/3/2016, cho anh Hà Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001315 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Lò Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/6/2024.

Anh Hà Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện M (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên